

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HSST**

Ngày: 15-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Ông Phan Văn Quý.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Nhật Tân – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 11/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST – HS ngày 02/7/2021 đối với bị cáo:

Lê Văn N (tên gọi khác: N di động), sinh ngày 07/02/1978 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn TX2, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không nghề; con ông Lê Thái B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ đã ly hôn; có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Có 04 tiền án:

- Ngày 22/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2008/HS-ST (*bị cáo chưa thi hành án phần nghĩa vụ dân sự*).

- Ngày 30/8/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2010/HSST (*bị cáo chưa thi hành án phần nghĩa vụ dân sự*).

- Ngày 28/12/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2011/HSST (*bị cáo chưa thi hành án phần nghĩa vụ dân sự*).

- Ngày 22/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 36 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2015/HSST (*bị cáo chưa thi hành án phần nghĩa vụ dân sự*).

Về nhân thân:

- Ngày 22/01/2002, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xử phạt: 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 10/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị từ ngày 10/4/2021 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Tr: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Phạm Công X, sinh năm 1948, địa chỉ: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962, địa chỉ: Khu phố 5, phường 1, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Trần Tài T, sinh năm 1965, địa chỉ: QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Thu U, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Anh Lê Đăng Trường G, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Chị Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn QX, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn TX2, xã CT, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 18/02/2021, Lê Văn N đi qua ngã tư thôn Quật Xá, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ thì thấy xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 74G1-046.80 của bà Đặng Thị Th (xe mang tên anh Nguyễn Văn Tr) để bên đường ở khu vực ngã tư không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định lấy trộm. Vì không có công cụ mở khóa nên Lê Văn N đi đến nhà ông Phạm Công X ở thôn Quật Xá, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ (con trai của ông X là bạn của N) nhưng không gặp được con trai ông X, N đã lấy một cái kìm ở sân nhà của ông Phạm Công X nhằm mục đích dùng mở khóa xe. Lê Văn N nghĩ nếu dùng cái kìm này thì không thể mở được khóa xe nên đi qua nhà bà Hoàng Thị D (con trai bà D là bạn của N) ở gần đó. Tại đây, N thấy có 01 chìa khóa để ở bàn phòng khách nhà bà D có thể dùng mở được khóa xe nên lấy cất vào người. Sau đó, Lê Văn N quay lại vị trí để xe mô tô biển kiểm soát 74G1-046.80, N quan sát xung quanh không có người nên dùng chìa khóa và kìm nói trên mở khóa xe mô tô, nổ máy điều khiển ra hướng Quốc Lộ 9 về thành phố Đông Hà, bán cho một người phụ nữ không rõ lai lịch với giá 5.000.000 đồng. Số tiền có được N sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Xe mô tô không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS ngày 24/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cam Lộ kết luận: xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 74G1-046.80 có trị giá: 6.900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 13/CT – VKSCL ngày 11/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/4/2021.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, đen biển kiểm soát 74G1 – 046.80 và toàn bộ giấy tờ xe mô tô; 01 chìa khóa xe, 01 kìm. Tất cả vật chứng này đều không thu hồi được. Chủ sở hữu không có ý kiến gì nên không xem xét.

- 01 USB lưu giữ hình ảnh camera an ninh ghi lại toàn bộ quá trình Lê Văn N thực hiện hành vi phạm tội. Hiện đang kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Th và Lê Văn N tiến hành thỏa thuận bồi thường dân sự, theo đó bà Th yêu cầu Lê Văn N

bồi thường 7.000.000 đồng, giá trị thiệt hại xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 74G1 – 046.80. Lê Văn N đồng ý với yêu cầu bồi thường trên nên cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Th số tiền còn thiếu.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến có ý kiến gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Lê Văn N mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, những người làm chứng đều xác nhận việc ngày hôm xảy ra sự việc đều thấy bị cáo có mặt tại địa điểm xảy ra tội phạm; xác nhận bị cáo điều khiển xe mô tô tương tự xe mô tô bị chiếm đoạt. Những người làm chứng đã tiến hành nhận dạng và xác định người có hành vi chiếm đoạt tài sản có hình ảnh trong video hiện trường đúng là bị cáo Lê Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác. Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Lợi dụng sự sơ hở của bà Đặng Thị Th trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã sử dụng chìa khóa và chiếc kìm để mở khóa xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 74G1 – 046.80 lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Th, có giá trị: 6.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về tài sản của người khác. Do đó có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có 04 tiền án đều về các tội chiếm đoạt tài sản chưa xóa án tích, trong đó Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2015/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà đã xác định bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, mặc dù bồi thường chưa đầy đủ nhưng bị cáo không có việc làm, đã nỗ lực bồi thường cho bị hại nên xét thấy có căn cứ để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội bồi thường thiệt hại”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về mức hình phạt:

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, mức hình phạt từ 02 – 07 năm tù; bị cáo nhân thân xấu, nhiều lần bị các Tòa án xét xử đều về tội phạm có tính chất xâm phạm sở hữu, chưa xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội, do đó xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, cải tạo bị cáo sớm trở thành người có ích cho xã hội. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 74G1-046.80 của bà Đặng Thị Th quản lý (xe mang tên anh Nguyễn Văn Tr, con trai bà Th) hiện không thu hồi lại được. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng, bị cáo đồng ý và cùng lập biên bản thỏa thuận, hiện tại bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên cần áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 584, 591 của Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của các bên, buộc bị cáo Lê Văn N phải bồi thường cho bà Đặng Thị Th số tiền 5.000.000 đồng.

- 01 chìa khóa của bà Hoàng Thị D và 01 cái kìm của ông Phạm Công X, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội hiện tại cũng không thu hồi được. Ông X và bà D đều không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 USB lưu giữ hình ảnh camera an ninh ghi lại toàn bộ quá trình Lê Văn N thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự, do bị cáo và bị hại đã thỏa thuận trước khi mở phiên tòa và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại nên căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí về dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, b khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, Điều 584, 591 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn N (N di động) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn N: **36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 10/4/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lê Văn N và bà Đặng Thị Th, theo đó bị cáo Lê Văn N tiếp tục bồi thường cho bà Đặng Thị Th số tiền: 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Công an huyện Cam Lộ (3 bản);
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Cam Thành;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý

